

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 4 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Mộng N, sinh năm 1998; Cư trú tại: Ấp BD, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1985; Cư trú tại: Ấp XT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Mộng N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/7/2020. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi nhau, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không đoàn tụ được và đã ly thân 7 tháng. Nay chị N xác định tình cảm không còn gắn bó yêu thương, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Chị N yêu cầu tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn đồng ý thuận tình ly hôn ngày 19/4/2021, anh Nguyễn Nhựt T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị N tự tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện DD. Sau thời gian chung sống thì không còn hạnh phúc nên đã thống nhất thuận tình ly hôn với nhau. Nay anh T yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

- Về con chung và nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc phải đi làm xa, điều kiện đi lại khó khăn nên anh Tâm xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Nhựt T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, chị N và anh T đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, không có khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên đồng ý ly hôn với nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về các vấn đề khác: Chị N và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mộng N. Cho chị Nguyễn Mộng N được ly hôn anh Nguyễn Nhựt T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Mộng N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011501 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã TT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Trúc